

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS-PT

Ngày 27-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành.

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thảo

Ông Tô Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Kỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, Vũ Thị T, Phạm Thị T1, Phạm Văn C, Lê Văn L, Phạm Thị C1, Đoàn Thị T2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2018/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1981 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp công nhân; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 06/4/2018; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V là thương binh loại A và bà Lê Thị T; vợ là Đỗ Thị N và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2017; không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại (có mặt).

2. Vũ Thị T, sinh năm 1993 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp đại lý xổ số; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Văn S và bà Đoàn Thị T (Bị cáo cùng vụ án); có chồng là Phạm Văn H và 01

con sinh ngày 21/3/2017; không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại (có mặt).

3. Phạm Thị T1, sinh năm 1963 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp Đại lý xổ số; trình độ văn hoá 7/10; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Lê Thị N; có chồng là Phạm Văn C (Bị cáo cùng vụ án) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1993; không có tiền án, tiền sự; nhân thân: Bị xử phạt 03 tháng tù, về tội “Đánh bạc” theo bản án số 07/2018/HS-PT ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Bị cáo hiện tại ngoại (có mặt).

4. Đoàn Thị T2, sinh năm 1969 tại huyện N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp Lao động tự do; trình độ văn hoá 4/10; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đoàn Văn T và bà Phạm Thị S; có chồng là Vũ Văn S và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 04/7/2017 đến ngày 11/7/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

5. Phạm Văn C sinh năm 1961 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 7/10; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Q; có vợ là Phạm Thị T1 (Bị cáo cùng vụ án) và 03 con; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ từ ngày 04/7/2017 đến ngày 11/7/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại (có mặt)

6. Lê Văn L sinh năm 1963 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú tổ 1x, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp Đại lý xổ số; trình độ văn hoá 10/10; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Hoàng Thị G; vợ là Phạm Thị C1 (Bị cáo cùng vụ án) và 02 con; tiền án, tiền sự không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại (có mặt)

7. Phạm Thị C1, sinh năm 1970 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú tổ 1x, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 7/10; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Lê Thị N; chồng là Lê Văn L (Bị cáo cùng vụ án) và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Thị T1t và Lê Văn L làm Đại lý bán xổ số và lô tô cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Ninh Bình, địa điểm bán là tại nhà ở của các bị cáo. Nguyễn Văn M đã gặp Phạm Thị T1 và Lê Văn L đặt vấn đề về việc sau khi bán số lô, số đề cho khách qua đường thì chuyển cho M bằng hình thức tin nhắn điện thoại, M sẽ trích lại phần trăm hoa hồng cho T1 và L. Cũng trong thời gian này T và T2 gặp M đặt vấn đề sau khi bán các số lô, số đề cho khách đi đường sẽ chuyển đến cho M bằng hình thức tin nhắn điện thoại, M trích lại phần trăm hoa hồng cho T, T2.

Nguyễn Văn M thống nhất với Vũ Thị T, Đoàn Thị T2g, Phạm Thị T1, Lê Văn L căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày để xác định việc thắng thua. Tỷ lệ thắng, thua cụ thể được xác định: Số đề bán 1.000 đồng, nếu trúng được 70.000 đồng (gấp 70 lần); số đề ba số (ba càng) bán 1.000 đồng, nếu trúng được 400.000 đồng (gấp 400 lần). Số lô bán theo điểm, một điểm là 23.000 đồng, nếu trúng được 80.000 đồng. Số lô xiên có các hình thức lô xiên 2 (hai cặp số), lô xiên ba (ba cặp số), lô xiên 4 (bốn cặp số) đều bán 01 điểm là 10.000 đồng. Nếu trúng: Lô xiên 2 được 100.000 đồng/01 điểm (gấp 10 lần), lô xiên 3 được 400.000 đồng/01 điểm (gấp 40 lần), lô xiên 4 được 1.000.000 đồng/01 điểm (gấp 100 lần). Tỷ lệ phần trăm tiền hoa hồng, được các bị cáo thống nhất cụ thể: Đôi với số đề, số đề ba càng M nhận 72%, còn lại 28% trả hoa hồng cho người bán; số lô xiên M nhận 65% còn lại 35% trả hoa hồng cho người bán; số lô Minh nhận 21.800 đồng/1 điểm còn lại 1.200 đồng/01 điểm trả hoa hồng cho người bán. Riêng đối với bị cáo Lê Văn L, số lô xiên M nhận 64% còn lại 36% trả hoa hồng cho L.

Căn cứ vào nội dung tin nhắn các số lô, số đề và kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày các bị cáo tính tiền thắng thua với nhau theo tỷ lệ đã thỏa thuận. Việc thanh toán do Nguyễn Văn M đến thanh toán tiền thắng thua với nhau bằng tiền mặt, tuy nhiên thời gian thanh toán tiền không cố định hàng ngày mà có thể cộng dồn nhiều ngày lại với nhau. Quá trình bán số lô, số đề Nguyễn Văn M thống nhất với các bị cáo khác khi bán các số lô, số đề cho khách qua đường thì có thể dùng chính số tiền bán các số lô, số đề để trả cho khách nếu khách trúng và đối trừ với Nguyễn Văn M sau.

Hành vi cụ thể của các bị cáo như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 01/7/2017, Nguyễn Văn M đã nhận của Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Thị T, Phạm Văn C, Lê Văn Lg và Phạm Thị C1 tổng số 1.687 điểm lô, 860 số đề và 09 số đề ba số với tổng số tiền là 71.118.000 đồng, kết quả cuối ngày trúng 424 điểm lô, với tổng số tiền 33.920.000 đồng. **Tổng số tiền**

Nguyễn Văn M được tính sử dụng đánh bạc trong ngày là 105.038.000 đồng, trong đó:

+ Vũ Thị T bán cho khách đi qua đường được tổng số 902 điểm lô, 258 số đề và 02 số đề ba số, với tổng số tiền là 27.800.000 đồng, sau đó chuyển cho Nguyễn Văn M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng 173 điểm lô với số tiền 13.840.000 đồng. **Tổng số tiền Vũ Thị T được tính sử dụng đánh bạc trong ngày là: 41.640.000 đồng.**

+ Đoàn Thị T2 bán cho khách đi qua đường được tổng số 124 điểm lô và 23 số đề, với tổng số tiền là 2.986.000 đồng, sau đó chuyển cho Nguyễn Văn M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng 62 điểm lô, với số tiền 4.960.000 đồng. **Tổng số tiền Đoàn Thị T2 được tính sử dụng đánh bạc trong ngày là: 7.946.000 đồng.**

+ Phạm Thị T1 bán cho khách đi qua đường được tổng số 567 điểm lô và 199 số đề, với tổng số tiền là 31.050.000 đồng, sau đó nhờ chồng là Phạm Văn C chuyển cho Nguyễn Văn M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng 155 điểm lô với số tiền 12.400.000 đồng. **Tổng số tiền Phạm Thị T1 và Phạm Văn C được tính sử dụng đánh bạc trong ngày là: 43.450.000 đồng.**

+ Lê Văn L bán cho khách đi qua đường được tổng số 94 điểm lô, 380 số đề và 07 số đề ba số, với tổng số tiền là 9.282.000 đồng, sau đó Lê Văn L tự chuyển các số lô đề cho Nguyễn Văn M với tổng số tiền 5.792.000 đồng, kết quả cuối ngày trúng thưởng 720.000 đồng. Phạm Thị C1 chuyển giúp các số lô đề cho Nguyễn Văn M bằng tin nhắn điện thoại số với tổng số tiền 3.490.000 đồng, kết quả cuối ngày trúng thưởng 2.000.000 đồng. **Tổng số tiền Lê Văn L được tính sử dụng đánh bạc trong ngày là: 12.002.000 đồng. Số tiền Phạm Thị C1 được tính giúp sức cho Lê Văn L đánh bạc trong ngày là 5.490.000 đồng.**

Lần thứ hai: Ngày 02/7/2017, Nguyễn Văn M đã nhận của Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Thị T1, Phạm Văn Cg, Lê Văn L và Phạm Thị C1 tổng số 1.650 điểm lô, 03 số lô xiên ba, 01 số lô xiên bốn, 888 số đề và 06 số đề ba số với tổng số tiền là 79.593.000 đồng, kết quả cuối ngày trúng 415 điểm lô và 40.000 đồng tiền số đề, với tổng số tiền trúng là 36.000.000 đồng. Như vậy **tổng số tiền Nguyễn Văn M sử dụng đánh bạc trong ngày là: 115.593.000 đồng, trong đó:**

+ Vũ Thị T bán cho khách đi qua đường được tổng số 591 điểm lô và 286 số đề, với tổng số tiền là 22.558.000 đồng, sau đó chuyển cho Nguyễn Văn M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng 151 điểm lô và 20.000 đồng tiền số đề với tổng số tiền là 13.480.000 đồng. **Tổng số tiền Vũ Thị T được tính sử dụng để đánh bạc trong ngày là: 36.038.000 đồng.**

+ Đoàn Thị T2 bán cho khách đi qua đường được tổng số 524 điểm lô và 21 số đề, với tổng số tiền là 12.192.000 đồng, sau đó chuyển cho M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng 10 điểm lô, với số tiền 800.000 đồng. **Tổng số tiền Vũ Thị T2 sử dụng đánh bạc trong ngày là: 12.992.000 đồng.**

+ Phạm Thị T1 bán cho khách đi qua đường, tổng số 345 điểm lô và 113 số đề, với tổng số tiền là 30.908.000 đồng, sau đó nhờ Phạm Văn Cg chuyển cho M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng 195 điểm lô và 5.000 đồng số đề, với tổng số tiền là 15.950.000 đồng. **Tổng số tiền Phạm Thị T1 và Phạm Văn C sử dụng đánh bạc trong ngày là: 46.858.000 đồng.**

+ Lê Văn L bán cho khách đi qua đường được tổng số 190 điểm lô, 03 số lô xiên ba, 01 số lô xiên bốn, 468 số đề và 06 số đề ba số, với tổng số tiền là 13.935.000 đồng, sau đó Phạm Thị C1 giúp L chuyển cho M các số lô, đề với số tiền 5.676.000 đồng, trúng thưởng 1.760.000 đồng, Lê Văn Lg tự chuyển các số lô, đề là 8.259.000 đồng, trúng thưởng 4.010.000 đồng. **Tổng số tiền Lê Văn L sử dụng để đánh bạc trong ngày là: 19.705.000 đồng, Phạm Thị C1 giúp sức cho L đánh bạc trong ngày là 7.436.000 đồng.**

Lần thứ ba: Ngày 03/7/2017, Nguyễn Văn M đã nhận của Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Thị T1, Phạm Văn C, Lê Văn L và Phạm Thị C1 tổng số 1.060 điểm lô, 02 số lô xiên ba, 792 số đề và 04 số đề ba số với tổng số tiền là 41.134.000 đồng, trong đó trúng 215 điểm lô và 157.000 đồng tiền số đề, với tổng số tiền trúng là 28.190.000 đồng. **Tổng số tiền Nguyễn Văn M sử dụng đánh bạc trong ngày là: 69.324.000 đồng, trong đó:**

+ Vũ Thị T bán cho khách đi qua đường được tổng số 745 điểm lô, 01 số lô xiên ba, 315 số đề, với tổng số tiền lô, đề là 25.227.000 đồng, sau đó chuyển cho M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng 80 điểm lô và 60.000 đồng số đề, với tổng số tiền trúng là 10.600.000 đồng. **Tổng số tiền Vũ Thị T sử dụng đánh bạc trong ngày là: 35.827.000 đồng.**

+ Đoàn Thị T2 bán các số lô, số đề cho khách đi qua đường được tổng số 195 điểm lô và 42 số đề, với tổng số tiền là 5.284.000 đồng, sau đó chuyển cho M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng 75 điểm lô với số tiền 6.000.000 đồng. **Tổng số tiền Đoàn Thị T2 sử dụng đánh bạc trong ngày là: 11.284.000 đồng.**

+ Phạm Thị T1 bán các số lô, số đề cho khách đi qua đường được tổng số 62 số đề, với tổng số tiền 1.778.000 đồng, sau đó nhờ Phạm Văn C chuyển cho M bằng tin nhắn điện thoại, kết quả cuối ngày trúng số đề 22.000 đồng, với số tiền 1.540.000 đồng. Như vậy **tổng số tiền Phạm Thị T1 và Phạm Văn C sử dụng đánh bạc trong ngày là: 3.318.000 đồng.**

+ Lê Văn L bán các số lô, số đề cho khách đi qua đường được tổng số 120 điểm lô, 01 số lô xiên ba, 373 số đề và 4 số đề ba số, với tổng số tiền là 8.845.000 đồng, Sau đó Phạm Thị C1 giúp L chuyển cho Minh các số lô, đề với số tiền 4.339.000 đồng, kết quả cuối ngày trúng thưởng 4.460.000 đồng, còn lại Lê Văn L tự chuyển các số lô đề là 4.506.000 đồng, kết quả cuối ngày trúng thưởng 5.590.000 đồng. **Tổng số tiền Lê Văn L sử dụng đánh bạc trong ngày là: 18.895.000 đồng, Phạm Thị C1 giúp Lê Văn L đánh bạc trong ngày là 8.799.000 đồng.**

Lần thứ tư: Ngày 04/7/2017, Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Văn Cán số lô, số đề cho khách đi qua đường nhằm mục đích chuyển cho Minh nhưng trong quá trình bán cho khách thì bị Cơ quan Công an phát hiện. Cụ thể:

+ Khoảng 17 giờ 35 phút ngày 04/7/2017, tại tổ 4, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp, Vũ Thị T bán cho anh Trương Hùng Dương các số lô 35, 53 mỗi số 50 điểm, số lô 13 là 10 điểm, số đề 53 mua 70.000 đồng với tổng số tiền là 2.600.000 đồng và bán cho Tống Văn Long các số lô 84, 38, 24 mỗi số 40 điểm, số đề 04 mua 50.000 đồng, số đề 67 mua 20.000 đồng, số đề 40 mua 10.000 đồng với tổng số tiền là 2.840.000 đồng. **Tổng số tiền Thanh bán số lô, số đề cho Dương và Long là 5.440.000 đồng.** Thanh viết các số lô, số đề đã bán cho Dương vào một mảnh giấy được cắt ra từ giấy A4; ghi các số lô số đề cho Long vào một mảnh giấy được cắt ra từ giấy A4 và một mảnh giấy được cắt ra từ vỏ bao thuốc lá thì bị Tổ công tác Công an thành phố Tam Điệp phát hiện bắt quả tang.

+ Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 04/7/2017, tại khu vực đường Chi Lăng, thuộc thôn Tân Hạ, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp, **Đoàn Thị T2 đang bán** cho Hoàng Xuân Trọng 03 số lô (36, 63 mỗi số 50 điểm và số lô 66 ghi 20 điểm) và 03 số đề (36, 63 mỗi số 55.000 đồng và số 66 ghi 44.000 đồng) với tổng số tiền Trọng mua lô đề là 2.914.000 đồng và bán cho anh Hoàng Xuân Hải 02 số lô (38, 83 mỗi số 50 điểm) và 02 số đề (38, 83 mỗi số 100.000 đồng) với tổng số tiền Hải mua lô đề là 2.500.000 đồng. Thông đã ghi các số lô và số đề Trọng và Hải mua vào mặt sau của hai tờ vé số, đồng thời thông kê các số lô và số đề trên vào mặt sau tờ giấy kết quả xổ số để theo dõi và nhận đủ số tiền mua **lô, đề từ Trọng và Hải với tổng số tiền là 5.414.000 đồng** thì bị lực lượng Công an thành phố Tam Điệp phát hiện, bắt quả tang.

Ngoài ra, Đoàn Thị T2 còn bán cho những người khác qua đường (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) với số tiền thu được là **2.260.000 đồng**, đến khi Công an bắt quả tang thu giữ của Thông số tiền 2.135.000 đồng.

+ Khoảng 17 giờ ngày 04/7/2017, tại thôn Tân Hạ, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp, **Phạm Văn Cán** cho Vũ Trường Giang số lô 97, 43, 52, 61, 07 mỗi số 20 điểm với tổng số tiền là 2.300.000 đồng và bán cho Vũ Thanh Toàn số lô 54, 45 mỗi số 50 điểm, số lô 95 mua 30 điểm với tổng số tiền là 2.990.000 đồng thì phát hiện bắt quả tang, thu giữ của Chương số tiền **6.178.000 đồng**, (trong đó có 5.290.000 đồng là tiền bán số lô, số đề cho Giang và Toàn; số còn lại 888.000 đồng là tiền bán số lô, số đề cho khách qua đường)

Ngoài ra, chiều 04/7/2017, Phạm Thị T1 có bán số lô và số đề cho nhiều người khác qua đường thu được số tiền 4.458.000 đồng.

+ Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04/7/2017, Tổ công tác khác của Công an thành phố Tam Điệp tiến hành kiểm tra quầy bán vé xổ số, lô tô của gia đình Lê Văn L và Phạm Thị C1 phát hiện có anh Phạm Văn Tuấn và anh Nguyễn Văn Mạnh mang theo 02 tờ cáp ghi số lô, số đề đã mua của Lê Văn L vào ngày

02/7/2017 để lấy tiền trúng; trong đó Tuấn trúng 800.000 và Mạnh trúng 400.000. Lượng đã lấy 1.200.000 đồng trả cho Tuấn và Mạnh. Tổ Công tác tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ số tiền 1.200.000 đồng.

Nguyễn Văn M đã được các bị cáo trong vụ án thanh toán tiền bán số lô, số đề trong các ngày 01, 02 và 03/7/2017 như sau: Vũ Thị T thanh toán số tiền 10.000.000 đồng; Đoàn Thị T2 thanh toán số tiền 7.000.000 đồng; Phạm Thị T1 thanh toán số tiền 25.000.000 đồng. Riêng Lê Văn L chưa thanh toán. Nguyễn Văn M đã thanh toán tiền trúng lô đề ngày 01/7/2017 cho Đoàn Thị T2 là 2.160.000 đồng

Đối với các khoản tiền bán số lô, số đề trong các ngày 01, 02 và 03/7/2017, các bị cáo được hưởng số tiền hoa hồng được Minh trích lại theo thỏa thuận là: **Vũ Thị T được hưởng số tiền hoa hồng là 9.454.000 đồng, Đoàn Thị T2 được hưởng số tiền hoa hồng là 1.312.000 đồng. Phạm Thị T1 được hưởng số tiền hoa hồng là 13.067.000 đồng. Lê Văn L được hưởng số tiền hoa hồng là 6.874.000 đồng.** Số tiền bán số lô, số đề còn lại, Thanh, Thông, Tuyết, Lượng khai đã dùng để trả thưởng cho khách đã trúng, trong đó: Thanh 37.920.000 đồng, Thông 11.760.000 đồng, Tuyết 29.890.000 đồng và Lượng 18.540.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2018/HS-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn Minh, Vũ Thị T, Phạm Thị Tuyết, Phạm Văn C, Lê Văn L, Phạm Thị C1 và Đoàn Thị T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Văn M 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 248 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đoàn Thị T2 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ 07 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành tiếp 11 (mười một) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Phạt tiền bổ sung bị cáo Đoàn Thị T2 7.000.000 (bảy triệu) đồng

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phạm Thị C1, Lê Văn L, Phạm Văn C và Vũ Thị T.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung bị cáo Vũ Thị T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung bị cáo Lê Văn L 7.000.000 (bảy triệu) đồng

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ 07 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành tiếp 09 (chín) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Phạt tiền bổ sung bị cáo Phạm Văn C5.000.000 (năm triệu) đồng

Xử phạt bị cáo Phạm Thị C1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung bị cáo Phạm Thị C1 5.000.000 (năm triệu) đồng

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm p, s khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Phạm Thị T115 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung bị cáo Phạm Thị T110.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền đánh bạc để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước, bao gồm:

+ Bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp lại số tiền 120.950.000 đồng nhưng được trừ số tiền 20.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/04328 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, bị cáo Nguyễn Văn M còn phải nộp tiếp là 100.950.000 đồng (một trăm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng)

+ Bị cáo Vũ Thị T phải nộp lại số tiền 65.585.000 đồng (sáu mươi lăm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

+ Bị cáo Đoàn Thị T2 phải nộp lại số tiền 21.161.000 đồng (hai mươi một triệu, một trăm sáu mươi một nghìn đồng)

+ Bị cáo Phạm Thị T1 phải nộp lại 43.194.000 đồng (bốn mươi ba triệu, một trăm chín mươi tư nghìn đồng)

+ Bị cáo Phạm Văn C phải nộp lại số tiền 705.000 đồng (bảy trăm linh năm nghìn đồng)

+ Bị cáo Lê Văn L phải nộp lại số tiền 32.062.000 đồng (ba mươi hai triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2018, bị cáo Phạm Thị T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/6/2018, các bị cáo Vũ Thị T, Lê Văn L, Phạm Thị C1, Đoàn Thị T2, Phạm Văn C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 29/6/2018, bị cáo Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo đề nghị xem xét khoản tiền đánh bạc, tiền truy thu do hành vi phạm tội của bị cáo và xin được hưởng án treo. Ngày 22/8/2018 bị cáo Nguyễn Văn M có đơn xin rút phần yêu cầu kháng cáo về khoản tiền đánh bạc, tiền truy thu do hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Đánh bạc"; phạt tiền bổ sung 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T, Phạm Thị T1 sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p (bị cáo Tuyết áp dụng thêm điểm s) khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc"; phạt tiền bổ sung 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T1 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc"; phạt tiền bổ sung 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d, đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đoàn Thị T2, Lê Văn L, Phạm Thị C1, Phạm Văn C, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 248 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt:

- Đoàn Thị T2 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ 7 ngày tạm giữ trước bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành là 23 (Hai mươi ba) tháng 09 (Chín) ngày; khấu trừ 10% thu nhập, phạt bổ sung 7.000.000 (Bảy triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Lê Văn L 36 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"; khấu trừ 10% thu nhập, phạt bổ sung 7.000.000 (Bảy triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Phạm Văn C30 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", khấu trừ 10% thu nhập, phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Phạm Thị C1 27 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", khấu trừ 10% thu nhập, phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Đoàn Thị T2, Lê Văn L, Phạm Thị C1, Phạm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã (Phường) nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền do phạm tội mà có ở các bị cáo:

Vũ Thị T 27.665.000 (Hai bảy triệu sáu trăm sáu lăm nghìn) đồng

Đoàn Thị T 211.561.000 (Mười một triệu năm trăm sáu một nghìn) đồng

Phạm Thị T 113.304.000 (Mười ba triệu ba trăm không bốn nghìn) đồng

Lê Văn L 13.522.000 (Mười ba triệu năm trăm hai hai nghìn) đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện nộp số tiền 45.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04346 ngày 24/8/2018 của bị cáo M; 15.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04348 ngày 24/8/2018 của bị cáo T; 13.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04347 ngày 24/8/2018 của bị cáo T2; 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04350 ngày 24/8/2018 của bị cáo C1; 5.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04349 ngày 24/8/2018 của bị cáo L; 5.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04551 ngày 24/8/2018 của bị cáo C; 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04552 ngày 24/8/2018 của bị cáo T1 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình để thi hành án.

Tại phiên tòa các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin được cải tạo tại địa phương; các bị cáo Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Thị T1 và Lê Văn L bổ sung yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét việc bản án sơ thẩm tuyên tịch thu ở các bị cáo số tiền mà các bị cáo đã trả tiền trúng thưởng cho những người chơi thay bị cáo Nguyễn Văn M theo thỏa thuận. Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và đều tỏ ra ân hận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Thị T1 và Lê Văn L xác định các bị cáo chỉ là người giúp sức sau khi bán số lô, số đề cho khách qua đường thì chuyển toàn bộ số lô, đề bán được cho Nguyễn Văn M bằng hình thức tin nhắn điện thoại để được M trích lại phần trăm hoa hồng, lấy tiền bán lô, đề để trả tiền trúng thưởng cho người chơi thay cho bị cáo M theo thỏa thuận. Các bị cáo Phạm Thị C1, xác định là người giúp Lê Văn L; bị cáo Phạm Văn C xác định chỉ là người giúp Phạm Thị T1 nhắn tin

chuyển một số lô, đề cho do L, T1 bán cho khách đến số điện thoại của bị cáo M. Các bị cáo lần đầu phạm tội chưa có tiền án, tiền sự mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là cao, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Minh, Vũ Thị T, Phạm Thị Tuyết, Phạm Văn C, Lê Văn L, Phạm Thị C1 và Đoàn Thị T2 là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trước khi mở phiên tòa ngày 22/8/2018 bị cáo Nguyễn Văn Mrút một phần kháng cáo về phần **đề nghị xem xét khoản tiền đánh bạc, tiền truy thu do hành vi phạm tội mà bản án sơ thẩm tuyên tịch thu** sung ngân sách Nhà nước. Xét việc rút một phần kháng cáo của bị cáo M là tự nguyện; theo quy định tại Nghị quyết 05/2005/NQ - HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phần kháng cáo đã bị rút coi như không có kháng cáo, nội dung này tại phiên tòa phúc thẩm không xem xét nên quyết định của bản án sơ thẩm về phần các biện pháp tư pháp đối với bị cáo Nguyễn Văn M có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt giữ người trong trường hợp phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra và kiểm tra tại phiên tòa đã có đủ căn cứ để kết luận: Vì động cơ tư lợi cá nhân nhằm thu lợi bất chính dưới hình thức sát phạt nhau bằng tiền, từ ngày 01/7/2017 đến ngày 04/7/2017 các bị cáo Phạm Thị T, Phạm Văn C, Đoàn Thị T2, Lê Văn L, Phạm Thị C1, Vũ Thị T đã có hành vi bán số lô đề cho khách qua đường rồi chuyển cho Nguyễn Văn M qua tin nhắn điện thoại để hưởng khoản tiền hoa hồng trái phép; số tiền các bị cáo bán số lô đề cho khách và chuyển cho bị cáo Minh và số tiền trúng thưởng trong từng ngày là số tiền theo quy định của pháp luật được xác định là số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cụ thể: Nguyễn Văn M số tiền sử dụng đánh bạc ngày 01/7/2017 là 105.038.000 đồng; ngày 02/7/2017 là 115.593.000 đồng; ngày 03/7/2017 là 69.324.000 đồng. Vũ Thị T số tiền sử dụng đánh bạc ngày 01/7/2017 là 41.640.000 đồng; ngày 02/7/2017 là 36.038.000 đồng; ngày 03/7/2017 là 35.827.000 đồng; ngày 04/7/2017 là 5.290.000 đồng. Đoàn Thị T2, số tiền sử dụng đánh bạc ngày 01/7/2017 là 7.946.000 đồng; ngày 02/7/2017 là 12.992.000 đồng; ngày 03/7/2017 là 11.284.000 đồng; ngày 04/7/2017 là

5.414.000 đồng. Phạm Thị T1 số tiền sử dụng đánh bạc ngày 01/7/2017 là 43.450.000 đồng; ngày 02/7/2017 là 46.858.000 đồng. Lê Văn L số tiền sử dụng đánh bạc ngày 01/7/2017 là 12.002.000 đồng; ngày 02/7/2017 là 19.705.000 đồng; ngày 03/7/2017 là 18.895.000 đồng. Phạm Văn C ngày 01/7/2017 giúp sức cho Phạm Thị T1 đánh bạc ngày 01/7/2017 là 43.450.000 đồng; ngày 02/7/2017 là 46.858.000 đồng; ngày 04/7/2017, trực tiếp sử dụng số tiền để đánh bạc là 5.510.000 đồng. Phạm Thị C1 giúp sức cho Lê Văn L đánh bạc ngày 01/7/2017 là 5.490.000 đồng; ngày 02/7/2017 là 7.436.000 đồng; ngày 03/7/2017 là 8.799.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M đã phạm tội "Đánh bạc" quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Vũ Thị T, Phạm Thị T, Phạm Văn C, Lê Văn L, Phạm Thị C1, Đoàn Thị T2 đã phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự như bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Vũ Thị T, Phạm Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Văn C, Lê Văn L, Phạm Thị C1, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy vụ án đánh bạc có đông bị cáo tham gia mỗi bị cáo tham gia với vị trí, vai trò khác nhau trong vụ án do vậy khi quyết định hình phạt phải xem xét cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định cho phù hợp.

[5] Đối với Nguyễn Văn M là người chủ mưu, cầm đầu đường dây mua bán lô đề, phạm tội nhiều lần, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 03 lần đều trên 50 triệu đồng, trong đó có 02 lần trên một trăm triệu đồng, là người giữ vai trò chính trong vụ án, tại cấp phúc thẩm bị cáo M đã tự nguyện nộp khoản tiền phạt, án phí và một phần số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T số tiền 45.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04346 ngày 24/8/2018, có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là những tình tiết mới thể hiện sự hối cải của bị cáo. Căn cứ vào vai trò và tính nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, áp dụng đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét đến nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình, xử phạt bị cáo 30 tháng tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt 6 tháng tù, trong khi khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 2 năm đến 7 năm tù là nhẹ đã chiếu cố giảm nhẹ nhiều cho bị cáo, vì vậy không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu của bị cáo cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Minh.

[6] Đối với các bị cáo Vũ Thị T, Phạm Thị T, là những người thực hành rất tích cực trong việc bán số lô, đề sau đó chuyển cho Nguyễn Văn M để lấy tiền công hoa hồng do M trả. Vũ Thị T tham gia thực hiện tội phạm 4 lần, trong đó có 3 lần

số tiền sử dụng đánh bạc lớn từ 35.827.000 đồng đến 41.640.000 đồng. Phạm Thị T1 đã có một bản án xử phạt 3 tháng tù về tội "Đánh bạc" nay lại bị xét xử về tội "Đánh bạc" với các hành vi phạm tội xảy ra trước các hành vi trong bản án nêu trên; trong vụ án này bị cáo Tuyết 2 lần thực hiện hành vi phạm tội với số tiền sử dụng đánh bạc lớn lần 1 là 43.450.000 đồng, lần 2 là 46.858.000 đồng và một số lần số tiền sử dụng đánh bạc dưới 5.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội và xem xét áp dụng đúng, đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo T, T1, áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn để xử phạt các bị cáo là phù hợp đảm bảo tính giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung; các bị cáo phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện để cho hưởng án treo vì vậy yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo cải tạo tại địa phương của các bị cáo T, T1 không được chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm bị cáo T đã nộp khoản tiền phạt, án phí và một phần số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T số tiền 15.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04348 ngày 24/8/2018. Bị cáo T1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04552 ngày 24/8/2018. Hội đồng xét xử xét thấy các lý do mà các bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương đã được bản án sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo T1 nộp 5.000.000 đồng tiền phạt thể hiện sự hối cải về hành vi phạm tội nhưng mức hình phạt 15 tháng tù đối với bị cáo T1 là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và vai trò, nhân thân của bị cáo T1 trong vụ án, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Vũ Thị T hiện đang nuôi con nhỏ hơn một tuổi, tại cấp phúc thẩm đã thể hiện sự ăn năn hối cải, hoàn cảnh khó khăn nhưng đã nộp lại số tiền 15.200.000 đồng, mức hình phạt 18 tháng tù đối với bị cáo là nghiêm khắc nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[7] Đối với các bị cáo Đoàn Thị T2, Lê Văn L, là những người thực hành tích cực trong việc bán số lô, đề sau đó chuyển cho Nguyễn Văn M để lấy tiền công hoa hồng do M trả. Đoàn Thị T2 tham gia thực hiện tội phạm 4 lần, Lê Văn L tham gia thực hiện tội phạm 3 lần, số tiền sử dụng trong các lần đánh bạc ít hơn nhiều so với các bị cáo Th, T1t, số tiền hoa hồng được hưởng của bị cáo T2 là 1.312.000 đồng, bị cáo L là 6.874.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn C tham gia trong vụ án với vai trò giúp sức cho bị cáo Phạm Thị T1 trong việc nhắn tin chuyển số lô, đề cho M và một lần trực tiếp ghi số lô, đề với số tiền ít 5.290.000 đồng. Bị cáo Phạm Thị C1 tham gia giúp cho bị cáo Lê Văn L trong việc nhắn tin chuyển một phần số lô, đề mà bị cáo L ghi cho M 3 lần với tổng số tiền là 21.725.000 đồng. Các bị cáo T, L, C, C phạm tội ít nghiêm trọng, lần đầu bị xét xử, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng tham gia trong vụ án ở vai trò sau; giữa các bị cáo có mối

quan hệ cùng trong một gia đình; Bị cáo T2 là mẹ đẻ bị cáo T; bị cáo C là chồng bị cáo T1; bị cáo C1 là vợ bị cáo L; Bị cáo L bị bệnh nặng đang phải xạ trị, hóa trị; các bị cáo C, C1, L có bố, mẹ được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi xét xử phúc thẩm đã tự nguyện nộp một phần khoản tiền phạt và tiền sử dụng đánh bạc theo quyết định của bản án sơ thẩm; mức án 12 tháng tù đối với bị cáo T2, C; 10 tháng tù đối với bị cáo Lg, 9 tháng tù đối với bị cáo C1 mà bản án sơ thẩm đã xét xử là nặng và nghiêm khắc. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như phân tích ở trên, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội; áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo T2, C, L, C1 bằng loại hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập để nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp; Vì vậy yêu cầu kháng cáo của các bị cáo T2, C, L, C1 có căn cứ chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm.

[8] Về Biện pháp tư pháp: Bản án sơ thẩm quyết định tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước của các bị cáo Vũ Thị T 65.585.000 đồng; Đoàn Thị T2 21.161.000 đồng; Phạm Thị T1 43.194.000 đồng; Lê Văn L 32.062.000 đồng. Các bị cáo kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm vì trong số tiền trên quá trình thực hiện hành vi đánh bạc, các bị cáo Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Thị T, Lê Văn L đã sử dụng số tiền bán số lô, số đề cho khách để thanh toán cho người trúng số lô, số đề sau đó đối trừ với Nguyễn Văn M theo thỏa thuận bao gồm Vũ Thị T 37.920.000 đồng, Đoàn Thị T2 11.760.000 đồng, Phạm Thị T1 29.890.000 đồng và Lê Văn L 18.540.000 đồng, các bị cáo đề nghị không truy thu đối với các khoản tiền này. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo thì Vũ Thị T, Đoàn Thị T2, Phạm Thị T, Lê Văn L tham gia trong vụ án với vai trò là "thư ký" bán lô, đề sau đó tập hợp nhắn tin chuyển lại toàn bộ các số lô, đề cho Nguyễn Văn M. Căn cứ vào nội dung tin nhắn các số lô, số đề và kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày các bị cáo tính tiền thắng thua với nhau theo tỷ lệ đã thỏa thuận. Quá trình bán số lô, số đề Nguyễn Văn M thống nhất với các bị cáo khác khi bán các số lô, số đề cho khách qua đường thì có thể dùng chính số tiền bán các số lô, số đề để trả cho khách nếu khách trúng và đối trừ với Nguyễn Văn M sau. Bị cáo Nguyễn Văn M xác nhận nội dung thỏa thuận giữa bị cáo với các bị cáo khác như nêu trên là đúng, như vậy việc các bị cáo T, T2, L, T1 khai đã thanh toán toàn bộ số tiền trúng thưởng số lô, đề cho người chơi với số tiền của từng người như đã nêu trên là phù hợp với thực tế khách quan của loại tội phạm này nên được chấp nhận. Mặt khác số tiền phải trả cho người trúng thưởng 98.110.000 bị cáo M mới chuyển trả cho bị cáo T2 2.160.000 đồng còn lại 95.950.000 đồng chưa chuyển trả cho các bị cáo T, T2, L, T1 theo thỏa thuận, bản án sơ thẩm đã xác định là số tiền bị cáo M sử dụng vào việc đánh bạc nên đã quyết định tịch thu ở bị cáo M để sung quỹ Nhà nước là đúng

nhưng đồng thời lại tuyên tịch thu nộp ngân sách số tiền này ở các bị cáo T, T2, L, T1 là không đúng vì vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo T, T2, L, T1 để không buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền trên là phù hợp. Như vậy sau khi trừ đi số tiền các bị cáo đã trả thưởng cho khách số tiền còn phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước ở các bị cáo cụ thể như sau:

Vũ Thị T 65.585.000 đồng - 37.920.000 đồng = 27.665.000 đồng

Đoàn Thị T2 21.161.000 đồng - 9.600.000 đồng = 11.561.000 đồng

Phạm Thị T1 43.194.000 đồng - 29.890.000 đồng = 13.304.000 đồng

Lê Văn L 32.062.000 đồng - 18.540.000 đồng = 13.522.000 đồng.

[9] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Vũ Thị T, Phạm Thị T1 yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần, các bị cáo Đoàn Thị T2, Phạm Văn C, Lê Văn L, Phạm Thị C1 yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Đánh bạc"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt tiền bổ sung 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Vũ Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt tiền bổ sung 10.000.000 (mười triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm p, s khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Phạm Thị T1 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ

ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt tiền bổ sung 10.000.000 (mười triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d, đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đoàn Thị T2, Lê Văn L, Phạm Thị C1, Phạm Văn C, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt:

- Đoàn Thị T2 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ 7 ngày tạm giữ trước bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành là 23 (Hai mươi ba) tháng 09 (Chín) ngày, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Đoàn Thị T2 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo Đoàn Thị T2 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo T2 trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 7.000.000 (Bảy triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Lê Văn L 24 (Hai bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo Lê Văn L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Lê Văn L trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 7.000.000 (Bảy triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Phạm Văn C 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được trừ 7 ngày tạm giữ trước bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành là 20 (Hai mươi ba) tháng 09 (Chín) ngày, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Phạm Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo Phạm Văn C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Phạm Văn C trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Phạm Thị C1 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban

nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Phạm Thị C1 cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo Phạm Thị C1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Phạm Thị C1 trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

5. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền do phạm tội mà có ở các bị cáo:

Vũ Thị T 27.665.000 (Hai bảy triệu sáu trăm sáu lăm nghìn) đồng

Đoàn Thị T2 11.561.000 (Mười một triệu năm trăm sáu một nghìn) đồng

Phạm Thị T1 13.304.000 (Mười ba triệu ba trăm không bốn nghìn) đồng

Lê Văn L 13.522.000 (Mười ba triệu năm trăm hai hai nghìn) đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện nộp số tiền 45.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04346 ngày 24/8/2018 của bị cáo M; 15.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04348 ngày 24/8/2018 của bị cáo T; 13.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04347 ngày 24/8/2018 của bị cáo T2; 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04350 ngày 24/8/2018 của bị cáo C1; 5.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04349 ngày 24/8/2018 của bị cáo L; 5.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04551 ngày 24/8/2018 của bị cáo C; 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04552 ngày 24/8/2018 của bị cáo T1 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình để thi hành án.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Vũ Thị T, Phạm Thị T1, Đoàn Thị T2, Phạm Văn C, Lê Văn L, Phạm Thị C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/8/2018./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (3 bản)
- Phòng KTNV-THA (2 bản)
- TAND TP T (5 bản)
- VKSND TP T (1 bản)
- CA TP T (1 bản)
- Chi cục THADS TP T (1 bản)
- Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản)
- Bị cáo (07 bản)
- Sở Tư pháp (1 bản)
- Lưu hồ sơ (2 bản)
- Lưu tòa (1 bản)
- Lưu HCTP (1 bản)

(Thông báo cho chính quyền

địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Mai Xuân Thành

